

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 8 năm 2025
V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Cẩm Xuyên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Đức**;
2. Bà **Dương Triết Minh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Huỳnh Hoa Lý** – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 10 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diệu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 10 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/2025/TLST-HNGĐ ngày 08/5/2025 về việc: “*Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/8/2025, quyết định hoãn phiên tòa số: 88A/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Thanh T**, sinh ngày 01/11/1999

Địa chỉ: Khu dân cư B, ấp B, xã T, tỉnh An Giang.

Số Căn cước công dân: 089199013272.

Số điện thoại: 0357 913 492

2. Bị đơn: Anh **Trần Trí K**, sinh ngày 24/01/1999

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh An Giang.

Số Chứng minh nhân dân: 352491266

(nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thanh T trình bày:

Tôi với anh K chung sống với nhau từ năm 2022, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống ở nhà mẹ chồng. Sau khi sinh em bé thì tôi đem con về nhà mẹ ruột ở để thuận tiện cho việc đi làm. Tháng 8/2023, anh K đi làm ăn xa ở Bình Dương, đến đầu năm 2024 khi anh K về tham gia đình thì tôi thấy anh K tánh tình thay đổi, nhột nhát hắc hủi không chịu gần gũi với tôi. Anh K cũng từng nói chuyện với tôi là muốn yêu cầu ly hôn với tôi vì đã không còn tình cảm với tôi. Tôi và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên anh K sửa đổi, hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng chăm lo cho con nhưng anh K vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh Trần Trí K. Về quan hệ con chung: Có 01 con chung Trần Huỳnh Thiên K1, sinh ngày 10/9/2022 (hiện đang sống với mẹ), sau khi ly hôn tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Trần Trí K: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ anh Trần Trí K nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh K đã vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được lời khai của anh K.

Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của chị T, anh K tại biên bản lấy lời khai ngày 12/6/2025 của người làm chứng bà Nguyễn Thị T1 (mẹ ruột của anh K) thể hiện: "...T, K chung sống từ năm 2022, do tự tìm hiểu khoảng 02 năm thì có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn thì vợ chồng T, K ở nhà tôi. Sau khi sinh em bé thì T dẫn con về nhà mẹ ruột ở để thuận tiện cho việc đi làm. Tháng 8/2023, K đi làm ăn xa ở Bình Dương. Đầu năm 2024 thì K về thăm vợ con thì tôi thấy K đi làm về thì tánh tình thay đổi, nhột nhát hắc hủi không chịu lại gần, gần gũi với con dâu. K cũng từng nói chuyện với tôi là muốn yêu cầu ly hôn với T. Tôi có nhiều lần khuyên con trai sửa đổi, hàn gắn với vợ để cùng chăm lo cho con nhưng K không nghe. Tôi thấy T là một người vợ, người con dâu rất tốt, T không làm gì sai với K. Mâu thuẫn chủ yếu đến từ K, do K đã không còn thương T nữa nên bạc bẽo với vợ...".

Tại phiên tòa: Chị Huỳnh Thị Thanh T có mặt; bị đơn anh Trần Trí K vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Về cơ bản vụ án đã được tiến hành đúng theo trình tự pháp luật quy định, đã xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân, có đủ cơ sở đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm

2014; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh K. Về con chung: Giao con chung tên Trần Huỳnh Thiên K1, sinh ngày 10/9/2022 (hiện đang sống với mẹ) cho chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Chị T yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; Bị đơn anh Trần Trí K cư trú tại xã T, tỉnh An Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – An Giang. Tại phiên tòa anh K vắng mặt không có lý do là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thanh T chung sống với anh Trần Trí K có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy, căn cứ vào Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Thời gian đầu vợ chồng chị T, anh K chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, thường xuyên cự cãi, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn kéo dài mặc dù chị T và anh K đã cho nhau nhiều cơ hội hàn gắn nhưng vẫn không đạt kết quả. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ **năm 2024** cho đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm nhau. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh K có nhận thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng không đến Tòa để tham dự các phiên hòa giải cũng như xét xử, không gửi tờ tự khai thể hiện ý kiến của mình là mặc nhiên thừa nhận có sự mâu thuẫn giữa vợ chồng và không có ý muốn hàn gắn. Do đó chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn là có cơ sở.

Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh K đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh K.

[2.2] Về con chung: Qua chứng cứ chị T cung cấp và kết quả xác minh thì chị Huỳnh Thị Thanh T và anh Trần Trí K có con chung tên Trần Huỳnh Thiên K1, sinh ngày 10/9/2022 (hiện đang sống với mẹ). Chị T yêu cầu được

tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, kết quả xác minh thể hiện bản thân chị T đủ điều kiện trực tiếp nuôi cháu K1 và hiện tại cháu K1 cũng đang sống ổn định với mẹ. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh K không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của chị T về con chung. Do vậy, HĐXX áp dụng các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, giao con chung tên Trần Huỳnh Thiên K1, sinh ngày 10/9/2022 cho chị Huỳnh Thị Thanh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), tự lao động được là phù hợp và đảm bảo được các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về thể chất, tinh thần, việc học tập, môi trường sống của các cháu; Chị T phải tạo điều kiện cho anh K được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở; Khi cần thiết anh K có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

[5] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thanh T được ly hôn với anh Trần Trí K.

2. Về quan hệ con chung:

Chị Huỳnh Thị Thanh T được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Huỳnh Thiên K1, sinh ngày 10/9/2022; Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con chung nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc

gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Trí K không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Huỳnh Thị Thanh T không yêu cầu. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự có thể yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Huỳnh Thị Thanh T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0021931 ngày 07/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 – An Giang). Như vậy, chị Huỳnh Thị Thanh T đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm. Anh Trần Trí K không phải chịu án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn) nơi bị đơn cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 10 - An Giang;
- Phòng THADS KV 10 - An Giang;
- UBND xã Phước Mỹ Trung, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Cẩm Xuyên